

Cao Bằng, ngày 31 tháng 8 năm 2022

**ĐIỂM BÀI THU HOẠCH**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 04 (huyện Hạ Lang)

Môn: Phần E.III - Kiến thức bổ trợ

Ngày thi: 26/8/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Thắm Thị Bạch	7,25	Bảy phẩy hai năm	41	Triệu Thúy Mơ	7,50	Bảy phẩy năm
2	Triệu Thị Chiêm	6,50	Sáu phẩy năm	42	Hoàng Thị My	6,50	Sáu phẩy năm
3	Nông Thị Chinh	7,00	Bảy	43	Nông Văn Nam	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Triệu Thị Chủ	7,00	Bảy	44	Nông Thị Hoàng Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
5	Nông Thị Chuyên		<b>Chuyển lớp</b>	45	Lã Thị Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
6	Đàm Bích Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	46	Đường Văn Ngọc	8,00	Tám
7	Phạm Thị Dịu	8,00	Tám	47	Phùng Ánh Nguyệt	6,50	Sáu phẩy năm
8	Thắm Thị Duyên	8,00	Tám	48	Mã Lý Nhung	8,00	Tám
9	Hoàng Thị Định	7,75	Bảy phẩy bảy năm	49	Trần Thị Phương	8,00	Tám
10	Bế Thị Đoan	7,50	Bảy phẩy năm	50	Phạm Thị Phượng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Nông Thị Hồng Gấm	8,25	Tám phẩy hai năm	51	Nông Thị Quy	8,00	Tám
12	Phùng Thị Thu Hằng	8,00	Tám	52	Nông Thị Riên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
13	Hoàng Văn Hành	8,25	Tám phẩy hai năm	53	Nông Văn Siên	7,50	Bảy phẩy năm
14	Hoàng Minh Hậu	6,50	Sáu phẩy năm	54	Hoàng Thị Tâm	7,00	Bảy
15	Nông Thị Hiền	8,00	Tám	55	Nông Thị Thạch	8,00	Tám
16	Đàm Văn Hiệp	6,75	Sáu phẩy bảy năm	56	Đinh Viết Thiện	8,00	Tám
17	Hoàng Thị Hoa	6,75	Sáu phẩy bảy năm	57	Mã Thị Thiệp	7,00	Bảy
18	Phan Triệu Học	8,25	Tám phẩy hai năm	58	Nông Thị Thoa	8,00	Tám
19	Nông Thị Hồng	8,25	Tám phẩy hai năm	59	Bế Văn Thoại	7,50	Bảy phẩy năm
20	Nông Thị Hợp	7,50	Bảy phẩy năm	60	Nông Thị Thu	6,50	Sáu phẩy năm
21	Nông Văn Huân	8,25	Tám phẩy hai năm	61	Nông Ngọc Thụ	8,00	Tám
22	Triệu Bích Huệ	6,75	Sáu phẩy bảy năm	62	Mã Thị Thương	7,50	Bảy phẩy năm

ĐHP

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Nông Thế Hùng	8,00	Tám	63	Hà Văn Thượng	8,00	Tám
24	Nông Thanh Hùng	8,00	Tám	64	Mã Thị Thùy	7,00	Bảy
25	Đàm Thị Hường	8,00	Tám	65	Nông Linh Thùy	7,50	Bảy phẩy năm
26	Hoàng Thị Bích Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	66	Lương Thị Thùy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Hoàng Thị Thu Huyền	8,00	Tám	67	Hoàng Văn Tú	7,75	Bảy phẩy bảy năm
28	Đường Thị Kết	7,75	Bảy phẩy bảy năm	68	Hoàng Thị Bích Từ	7,25	Bảy phẩy hai năm
29	Lương Thị Vân Khánh	8,25	Tám phẩy hai năm	69	Bạch Văn Tùng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Lương Thị Hồng Lê	7,50	Bảy phẩy năm	70	Phạm Thị Tươi	7,50	Bảy phẩy năm
31	Lương Thị Liễu	8,00	Tám	71	Triệu Thị Tuyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
32	Nông Thị Linh	8,00	Tám	72	Trần Thị Tuyết	7,75	Bảy phẩy bảy năm
33	Hoàng Thị Loan	8,25	Tám phẩy hai năm	73	Bé Thị Ánh Tuyết	8,00	Tám
34	La Thị Loan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	74	Lộc Thị Vân	8,00	Tám
35	Nông Thị Thanh Loan	7,25	Bảy phẩy hai năm	75	Lý Thị Vân	7,50	Bảy phẩy năm
36	Phạm Minh Loan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Nông Thị Vân	7,50	Bảy phẩy năm
37	Hà Thị Luyên	8,00	Tám	77	Lộc Thị Viên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
38	Nông Thị Luyên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	78	Chu Văn Xuyên	7,00	Bảy
39	Đàm Thị Mến	7,75	Bảy phẩy bảy năm	79	Hứa Văn Du	6,00	Sáu
40	Long Nông Nữ Minh	7,75	Bảy phẩy bảy năm				

Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,50: 05 điểm; Điểm 6,75: 03 điểm; Điểm 7,00: 06 điểm; Điểm 7,25: 03 điểm;  
Điểm 7,50: 13 điểm; Điểm 7,75: 18 điểm; Điểm 8,00: 22 điểm; Điểm 8,25: 07 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

*D.H.L.*

*L.V.T.*



Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa